

Mẫu CBTT – 02

(Ban hành kèm theo thông tư số 09/2010/TT – BTC ngày 15/1/2010 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Năm 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO NĂM 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ tháng 10 năm 1967.

- Chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quyết định số 0603000007 ngày 13 tháng 09 năm 2000. Vốn điều lệ : 600 triệu đồng.

- Tăng vốn ĐL lên 5 tỷ đồng, đăng kí lại lần đầu vào ngày 27 tháng 07 năm 2004.

- Tăng Vốn điều lệ lên 25 tỷ đồng theo Giấy CNĐKKD số 0603000007 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

- Năm 2007 công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam đã tiến hành sát nhập với 2 công ty:

+ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam, đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nam cấp ngày 19 tháng 10 năm 2004.

+ Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ, Giấy CNĐKKD số 0603000217

Trở thành Tổng công ty Cổ Phần Khoáng Sản Hà Nam theo Giấy CNĐKKD số 0603000007 ngày 22 tháng 11 năm 2007, Vốn Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam là **116.900.000.000 đồng** (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng).

- Tháng 2 năm 2008 công ty đăng ký niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch từ ngày 12/11/2008.

- Tháng 09 năm 2009 tổng công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico

2. Quá trình phát triển

Trong giai đoạn từ khi thành lập công ty đã tiến hành kinh doanh các ngành nghề sau:

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản, khai thác chế biến khoáng sản, khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; chế biến đá; khai thác hóa chất và khoáng phân bón, bán buôn kim loại và quặng kim loại. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm),

sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét, sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình. Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, mua bán thực phẩm nông sản. Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất đai lý mua bán ký gửi hàng hóa. Dịch vụ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa.

Xây dựng: Dân dụng, Giao thông đường bộ, Thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện cơ, điện áp từ 35 KV trở xuống. Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình. Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch.

Sản xuất kinh doanh và in mác, nhãn vở bao, bao bì đóng gói. Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh. Sản xuất xi măng (P30-P50) các loại; Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống , cột.

Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

3. Định hướng phát triển:

Tập thể lãnh đạo và các tổ chức Đảng, đoàn thể luôn luôn đoàn kết nhất trí vì mục tiêu chung của TCT, tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ được giao. Xây dựng và phát triển Tổng công ty vững mạnh theo hướng chuyên môn hóa cao để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh với hình thức : vừa phát huy nội lực sẵn có vừa liên kết liên doanh với các đối tác để mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và đầu tư chế biến sâu sản phẩm đặc biệt là sản phẩm của ngành khoáng sản nhất là các loại sản phẩm có thể thay thế sản phẩm nhập ngoại , sản phẩm có giá trị cao.

Tiếp tục thúc đẩy tiến độ các dự án đầu tư đang thực hiện dở, tập trung giải quyết dứt điểm những khó khăn cản trở để sớm đưa dự án vào triển khai.

Nhanh chóng xúc tiến tham gia sâu hơn nữa, rộng hơn nữa vào thị trường tài chính nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng, tạo điều kiện phát huy nhanh, mạnh thương hiệu tập đoàn, vốn cho các dự án và mối quan hệ liên doanh liên kết với các đơn vị bạn.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty

1. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011

Năm 2011, công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico có nhiều cố gắng trong việc hoàn thành kế hoạch SXKD đã trình bày tại Đại hội, xong do ảnh hưởng nhiều yếu tố khách quan đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã dẫn đến những khó khăn chung của đất nước; chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi xuất ngân hàng cao, giá cả vật tư leo thang.... đã có ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty cho công ty (như trong phần báo cáo của Tổng giám đốc đã trình bày).

Với vai trò là cơ quan quản lý công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ, HĐQT đánh giá kế hoạch SXKD các chỉ tiêu chính đạt như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 60,257,823,551 tỷ đạt **60,25 % KH**

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 567.517.262 **1.89 % KH**

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 407.719.620 **1.64%.KH**

- Chia cổ tức (dự kiến): Phần lợi nhuận sau thuế quá thấp không chia cổ tức

- Hoạt động sản xuất: Đã hoàn thiện về cơ bản quy mô đầu tư của công ty như:

+ Hoàn thiện đầu tư các dây chuyền công nghệ tuyển và chế biến khoáng sản một số loại khoáng sản cao cấp để phục vụ trong nước và xuất khẩu như: Dây chuyền sản xuất Thạch Anh cao cấp; dây chuyền đá soa; dây chuyền đá sẻ;

+ Hoàn thiện và đưa vào SX ổn định 02 dây chuyền nhà máy gạch tuynen Hamico I;

+ Hoàn thiện, đồng thời đưa dây chuyền rút sợi thép đưa vào hoạt động

+ Hoàn chỉnh việc đầu tư vốn vào một số công ty liên doanh tuy không mang lại hiệu quả

- Hoạt động sản xuất kinh doanh : mở rộng một cách có quy mô thị trường kinh doanh trong nước và bước đầu đưa sản phẩm của công ty ra xuất khẩu ; Duy trì và phát triển văn phòng đại diện phía tại Hà Nội và thành phố HCM - góp phần thuận lợi cho việc kinh doanh và tiếp thị sản phẩm.
- Chuẩn hoá các hoạt động của công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp , luật chứng khoán và các công ty niêm yết
- Chăm lo đời sống CBCNV , quyền lợi các nhà đầu tư và tham gia đầy đủ các an sinh xã hội trong cộng đồng

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

2.1. Triển vọng

Do Việt Nam đã chính thức hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc gia nhập WTO vì vậy mở rộng một cách có quy mô thị trường kinh doanh trong nước đồng thời với việc giới thiệu các sản phẩm của công ty ra thị trường nước ngoài. Cùng cố mạng lưới tiêu thụ, xây dựng các đối tác chiến lược, mở rộng các văn phòng đại diện góp phần thuận lợi cho việc kinh doanh.

2.2. Kế hoạch trong tương lai

Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt. Lên tiến độ cụ thể cho từng dự án và theo dõi sát sao tiến độ. Kiện toàn bộ máy tổ chức các Ban quản lý dự án. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ tham gia quản lý dự án theo kế hoạch đáp ứng nhiệm vụ được giao.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính – tín dụng – kế toán

1.1 Tình hình tài chính:

- Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư của công ty để cho hoạt động ngân hàng vừa lành mạnh vừa thuận lợi

- Tổ chức tốt hoạt động kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty: Ban hành quy trình kiểm kê, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán hàng tháng, quý, năm đúng niên độ

- Thực hiện đầy đủ yêu cầu kiểm toán quý, soát xét sơ bộ 6 tháng đầu năm và kiểm toán cuối năm của đơn vị kiểm toán đã được đại hội cổ đông chấp thuận giao cho HĐQT và ban lãnh đạo lựa chọn.

Những khó khăn về thủ tục hành chính và biến động nói chung dẫn đến kéo dài việc triển khai một số dự án, như : dự án nhà máy gạch tuynen Hamico II - Tại Chân Lý, Lý Nhân, Hà Nam ; hoặc phải dừng hẳn phải kể đến như : Dự án liên doanh khai thác và chế biến đồng Bắc Giang , Dự án Đầu tư hoạt động tài chính và Thương mại , dự án liên doanh liên kết khai thác chế biến đá với công ty Sơ Hải

Lĩnh vực đầu tư tài chính, cơ cấu và góp vốn vào các công ty bạn dưới dạng liên doanh , liên kết (trước đây vốn là thể mạnh công ty) đều không mang lại hiệu quả thậm chí còn chứa đựng nhiều rủi ro : có công ty liên doanh ban đầu đạt hiệu quả sau đó do đơn vị bạn không tiêu thụ được hàng hóa đã dẫn đến thua lỗ và phải rút vốn về

Chính vì thuận lợi thì ít , khó khăn thì nhiều làm cho kết quả sản xuất kinh doanh không đạt so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm kế hoạch thể hiện qua các chỉ tiêu trong Bảng sau đây:

1.2 Kết quả SX-KD năm 2011

Bảng 1

S TT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ 2010 (đồng)	KẾT QUẢ 2011 (đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77,344,330,385	60,257,823,551	
2	Giá vốn bán hàng	51,665,129,091	45.534.916.999	
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25,679,201,294	14.722.906.552	
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19,581,747,021	414.004.262	
5	Lợi nhuận khác	10,195,928,201	153.513.000	
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29,777,675,222	567.517.262	
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,722,192,694	159.797.642	
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0		
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26,005,482,528	407.719.620	
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,225	34.88	

Bảng 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2011	THỰC HIỆN 2011	% TH/KH
1	Sản lượng Sản xuất				
1.1	Chế biến khoáng sản	Tấn	100.000	65.000	65%
1.2	Vật liệu xây dựng (Gạch tuynel quy TC)	viên	60.000.000	58.000.000	96 %
1.3	Gia công , chế biến thép	Tấn	3000	1.800	60 %

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2011	THỰC HIỆN 2011	% TH/KH
2	Sản lượng kinh doanh				
2.1	Chế biến khoáng sản	Tấn	90.000	60.000	66 %
2.2	Vật liệu xây dựng (Gạch tuynen)	viên	58.000.000	50.000.000	86 %
2.3	Gia công , chế biến thép	Tấn	3000	1.800	60 %
II	CÁC CHỈ TIÊU T.C				
1	Tổng doanh thu	đồng	100,000,000,000	60,257,823,551	60 ,25%
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế thu nhập	đồng	30.000.000.000	567.517.262	1,89%
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	25.000.000.000	407.719.620	1,64 %
4	Tỷ suất lợi nhuận / vốn Điều lệ	%	21,38 %	0,49 %	0.25%
5	Nộp NSNN	đồng			
6	Chia cổ tức (dự kiến)	đồng	20 %	0%	0%
7	Tổng vốn ĐTXDCB & mua sắm thiết bị				

1.3. Số cổ phiếu đang lưu hành:

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 11.690.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 11.690.000 cổ phiếu

Trong đó:

- + Cổ phiếu phổ thông: 11.690.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

2- Kế hoạch SXKD năm 2012

2.1 Kế hoạch sản xuất :

- Chế biến khoáng sản : 100.000 tấn.
- Vật liệu xây dựng (02 NM gạch tuy nen) : 80.000.000 viên.
- Các loại ngành nghề khác : Rút sắt , chăn nuôi , đầu tư tài chính , kinh doanh
...

2.2 Kế hoạch kinh doanh

- Chế biến khoáng sản : 90.000 tấn.
- Vật liệu xây dựng (gạch tuy nen) : 80.000.000 viên
- Các loại ngành nghề khác : Rút sắt , chăn nuôi , đầu tư tài chính , kinh doanh...

2.3 Kế hoạch Tài chính

- Vốn điều lệ : 116,9 tỷ đồng
- Tổng doanh thu : 80 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế : 8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 6 tỷ
- Tỷ suất LN sau thuế/VĐL : 0,51%
- Chia cổ tức : 5%

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2012

3.1. Đổi mới công tác lãnh đạo , thay đổi nhân sự cấp cao công ty nhằm tạo ra bước đột phá mới trong công tác quản lý . Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực bổ xung , trẻ hóa nguồn nhân lực nhằm cải thiện và tăng tính chủ động, tạo một đội ngũ CBCNV có năng lực quản lý và sáng tạo trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.2. Căn cứ vào kế hoạch tổng thể đã được xây dựng giao cho các đơn vị xây dựng và đưa ra phương án thực hiện . Nếu có phát sinh vấn đề Ban lãnh đạo trực tiếp họp bàn với đơn vị để tháo gỡ (Các kế hoạch được triển khai ngay từ đầu năm kế hoạch tại

các cuộc họp giao ban tuần , giao ban tháng không chờ đợi đến khi thông qua tại đại hội)

3.3. Triển khai học tập và phổ biến bộ định mức kinh tế kỹ thuật đến các đơn vị . Yêu cầu các đơn vị trên cơ sở đó định mức chi tiết đến từng công đoạn , từng loại sản phẩm , từng người lao động .

3.4. Đôn đốc, chỉ đạo sát sao việc triển khai kế hoạch kinh doanh cho hai văn phòng đại diện tại Hà Nội, thành phố HCM và các đối tác chiến lược . Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ . Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát bộ phận kinh doanh thực hiện chính sách, quy chế, quy trình đảm bảo kinh doanh hiệu quả và đúng pháp luật.

3.5. Về công tác đầu tư :

- Để không gây sức ép cho tổng công ty trong điều kiện huy động vốn gặp nhiều khó khăn, Công ty dự kiến phương án đầu tư vừa dùng vốn công ty vừa huy động vốn cá nhân . Cụ thể vốn xây dựng nhà máy gạch Hamico II theo phương án trước đây 100 % vốn công ty mẹ nay ban lãnh đạo xin trình trước đại hội xin ý kiến : dự kiến chỉ giữ lại 20 % công ty mẹ còn huy động 80 % từ cổ đông .

- Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt. Hình thành, kiện toàn bộ máy tổ chức Ban quản lý dự án . Lên tiến độ cụ thể cho từng dự án và theo dõi sát sao tiến độ.. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ tham gia quản lý dự án theo kế hoạch đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Năm 2012 công ty tập trung triển khai các dự án chăn nuôi theo chủ trương : “ Xây dựng nông thôn mới” đang được các cấp chính quyền phát động và khuyến khích. Kế hoạch công ty đề ra năm 2012-2013 Triển khai lập dự án 10 trang trại tập trung tại khu vực Hà Nam, Nam Định, trong đó đưa ít nhất năm 2012 có 05 trang trại xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động

Trên đây là khái quát đánh giá tổng thể các mặt sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011. Lãnh đạo công ty đã nghiêm túc kiểm điểm việc không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm, chỉ ra những yếu kém cần khắc phục ngay. Trên cơ sở bài học kinh nghiệm được rút ra lãnh đạo công ty đã xây dựng các chỉ tiêu cho năm 2012 sát với thực tế hơn có nhiều yếu tố phòng ngừa nhất là trong tình hình kinh tế vĩ mô còn nhiều rủi ro khó lường. Lãnh đạo công ty cũng đưa ra các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu cho năm 2012 một cách chi tiết và nghiêm túc trong thực hiện triển khai.

Thay mặt ban lãnh đạo công ty của năm kế hoạch 2011, tổng giám đốc đã trình bày trước ĐHCĐ toàn văn báo cáo kết quả SXKD 2011 và phương hướng nhiệm vụ 2012

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48,212,486,249	40,551,303,922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		211,113,526	83,563,947
1. Tiền	111	V.1	211,113,526	83,563,947
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		29,282,440,422	32,955,709,450
1. Phải thu khách hàng	131		20,725,663,454	32,685,737,615
2. Trả trước cho người bán	132		826,491,000	1,683,429,842
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	10,000,000,000	0
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,269,714,032)	(1,413,458,007)
IV. Hàng tồn kho			18,707,449,801	7,512,030,525

	140			
1. Hàng tồn kho	141	V.4	18,707,449,801	7,512,030,525
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,482,500	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156,037,555,158	148,370,301,859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		132,334,982,624	141,117,012,801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	132,306,182,624	139,502,469,918
<i>Nguyên giá</i>	222		163,774,766,880	162,044,357,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31,468,584,256)	(22,541,887,322)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	28,800,000	33,600,000
- Nguyên giá	228		48,000,000	48,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19,200,000)	(14,400,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	0	1,580,942,883
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21,534,974,400	5,685,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		21,014,974,400	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2,000,000,000	5,685,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1,480,000,000)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,167,598,134	1,568,289,058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,167,598,134	1,568,289,058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204,250,041,407	188,921,605,781
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	1/1/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		80,861,751,701	41,867,853,894

I. Nợ ngắn hạn	310		80,861,751,701	41,867,853,894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	67,114,489,000	30,193,888,000
2. Phải trả người bán	312		11,121,507,337	5,344,447,436
3. Người mua trả tiền trước	313		109,710,020	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	866,476,701	4,726,582,356
5. Phải trả người lao động	315		902,084,800	695,637,340
6. Chi phí phải trả	316	V17	59,027,778	51,723,498
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	0	845,601,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		688,456,065	9,974,264
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123,388,289,706	147,053,751,887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	123,388,289,706	147,053,751,887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116,900,000,000	116,900,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6,488,289,706	30,153,751,887
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204,250,041,407	188,921,605,781

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	60,257,823,551	77,344,330,385

2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	60,257,823,551	77,344,330,385
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	45,534,916,999	51,665,129,091
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,722,906,552	25,679,201,294
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4,918,895,948	3,271,323,291
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	8,296,532,940	1,407,996,763
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,296,532,940	1,353,283,963
8.	Chi phí bán hàng	24		5,290,265,001	4,511,093,893
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,641,000,297	3,449,686,908
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		414,004,262	19,581,747,021
11.	Thu nhập khác	31		225,186,307	14,781,651,264
12.	Chi phí khác	32		71,673,307	4,585,723,063
13.	Lợi nhuận khác	40		153,513,000	10,195,928,201
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		567,517,262	29,777,675,222
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	159,797,642	3,772,192,694
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		407,719,620	26,005,482,528
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.32	34.88	2,224.59

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

- **Đơn vị kiểm toán:** Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty được

lập phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

VI. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty gồm:

- Lãnh đạo tổng công ty: 01 Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc
- 05 phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng tổ chức hành chính, phòng thương mại và xuất nhập khẩu, Phòng tài chính kế toán, Phòng kế hoạch đầu tư, Phòng công nghệ tuyển khoáng.

2. Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban lãnh đạo công ty

a. Lý lịch ông Nguyễn Tiến Dũng :

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh 23/09/1970
- Nơi sinh: Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp vật tư
- Quá trình công tác:
 - + 1999 – 2000: Xí nghiệp thực phẩm công nghiệp Phủ Lý
 - + Từ năm 2000 đến nay: Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico.

b. Lý lịch ông Vũ Minh Thành :

- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/08/1981
- Nơi sinh: Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2005 – 2007 : Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam
 - + Từ 2007 – 2010: Tổng công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam Hamico
 - + Từ 2010 - 2011 đến nay: Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico.

c. Lý lịch bà Đặng Thị Thu Phương

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc
- Giới tính: nữ
- Ngày sinh: 26/05/1977
- Nơi sinh: Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam - Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 95- 99: Nhà máy xi măng Kiện Khê

+ Từ năm 1999- 2000: Xí nghiệp công nghiệp thực phẩm Phủ Lý

+ Từ năm 2000 đến nay : Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico.

3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

a. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2011 là: 440 người

b. Chính sách đối với người lao động:

- Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của nhà nước cho người lao động như: chuyển đổi hệ số lương, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội..... luôn luôn kịp thời và đầy đủ.

- Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng lao động, thưởng, lương, buộc thôi việc...

5. Thay đổi thành viên HĐQT , Ban giám đốc, BKS , Kế toán trưởng:

a. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị :

Trong năm kế hoạch có một thành viên : ông Lê trung Kiên hiện giữ chức vụ chủ tịch HĐQT xin nghỉ vì lý do cá nhân, HĐQT đã tiến hành bầu bổ xung ông Nguyễn tiến Dũng đảm nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT đã thông qua đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2012.

b. Thay đổi thành viên Ban giám đốc:

- Ông Nguyễn tiến Dũng miễn nhiệm chức vụ TGD, ông Vũ Minh Thành được bổ nhiệm làm làm tổng giám (được thông qua ĐHCĐ TN 2012 ngày 27/3/2012)

c. Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:

Trong năm kế hoạch 02 thành viên BKS nghỉ để nhận nhiệm vụ mới. HĐQT đã thống nhất thông qua đại hội cổ đông thường niên bầu bổ xung ngày 27/3/2012 như sau:

- Ông Nguyễn Lê Tuấn Anh miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS và ông Lê Anh Chúc được bầu bổ xung làm thành viên BKS ngày 27/3/2012.

- Ông Đặng Quang Hoạt miễn nhiệm chức vụ thành viên ban kiểm soát và ông Trần Việt Hùng được bầu bổ xung làm thành viên BKS ngày 27/3/2012.

d. Thay đổi kế toán trưởng: không có thay đổi

VII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

a. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm: 05 thành viên. Trong đó có 01 thành viên hoạt động độc lập không điều hành.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	500.000	4.3	
2	Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	3.000	0.026	
3	Đặng Văn Lành	Ủy viên HĐQT	3.000	0.026	
4	Nguyễn Minh Hoàn	Ủy viên HĐQT	50 000	0.43	
5	Đặng Thị Thu Phương	Ủy viên HĐQT	3000	0.026	

b. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Trong đó có 01 thành viên hoạt động độc lập không điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Hoàng Văn Chung	Trưởng BKS	5000	0.043	
2	Lê Anh Chúc	Thành viên BKS			
3	Trần Việt Hùng	Thành viên BKS			

c. Mức thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS:

1. Hội đồng quản trị:

- Tiền thù lao của thành viên HĐQT kiêm nhiệm gồm 04 người :

1.000.000 đ/ người / tháng X 12 tháng X 04 người = 48.000.000 đ

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách : gồm 01 người

1.500.000 đ/ người / tháng X 12 tháng X 01 người = 18.000.000 đ

Tổng tiền thù lao cho HĐQT trên năm : 66.000.000 đ

2. Ban kiểm soát:

Thù lao BKS kiêm nhiệm gồm :

- Trưởng BKS (01) : 1.500.000 đ/tháng X 12 = 18.000.000 đ

- Thành viên BKS (02) : 800.000 đ/ tháng X 12 = 19.200.000 đ

Tổng tiền thù lao cho BKS trên năm : 37.200.000 đ

Tổng chi phí cho thù lao của HĐQT, BKS tổng công ty cho năm tài chính 2011 là (1+ 2) : 103.200.000 đ (*một trăm linh ba triệu hai trăm đồng chẵn*)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông: (số liệu lấy từ danh sách sở hữu chứng khoán chốt ngày 27/2/2012)

Tổng số vốn điều lệ của công ty hiện nay là 116.900.000.000 (tương đương 11.690.000 cổ phần). Tỷ lệ sở hữu cổ phần / vốn điều lệ như sau:

a. Cổ đông trong nước:

- Cá nhân: 844 cổ đông giữ 11.220.480 cổ phần chiếm 95,9% vốn điều lệ
- Tổ chức : 3 tổ chức giữ 369.620 CP chiếm 3,16% vốn điều lệ

b. Cổ đông nước ngoài

- Cá nhân : 14 cổ đông giữ 50.540 CP chiếm 0,43% vốn điều lệ
- Tổ chức : 01 tổ chức giữ 49.360 CP chiếm 0,42% vốn điều lệ

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



HOANG KHÁNH CHUNG